TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2021/HS-ST
Ngày 08-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Tuân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Đức Dũng**

Ông **Trần Hưng Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Nam** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Báu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2021/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 và quyết định Hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đình L**, tên gọi khác : Út; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04 tháng 6 năm 1986, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Nghề nghiệp: lái xe; Con ông Nguyễn Đình K, sinh năm: 1933 và bà Bùi Thị T, sinh năm: 1940; Sống chung như vợ chồng với chị Chương Nam L, sinh năm 1986; Con: 01 con, sinh năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án số 08/2015/HSST ngày 30/01/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Hiện đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích (chưa thi hành tiền phạt và tiền thu lợi bất chính); Bị tạm giữ ngày 20/12/2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Mỹ.

2. Họ và tên: **Võ Duy H**, tên gọi khác: Bờm; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1987, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Khu phố N, phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Võ Văn N, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1958; Vợ: Trần Thị Thanh M, sinh năm: 1994 (đã ly hôn năm 2017); Con: Có 02 con, sinh năm 2010 và sinh năm 2012; Tiền sự: Ngày 21/01/2019, bị Công an thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản", hình

thức phạt tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2020/HS-ST ngày 12/05/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ, về tội "Trộm cắp tài sản". Chưa chấp hành xong hình phạt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cẩm Mỹ.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm 3, thôn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.(Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Lê Hoàng Anh V, sinh năm 1981. Địa chỉ: khu phố 1, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 17/8/2020, Nguyễn Đình L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, biển số 60B2-721.55 chở Võ Duy H lưu thông trên đường Quốc lộ 56 hướng từ thành phố Long Khánh về hướng huyện Cẩm Mỹ tìm nhà nào không có người trông coi để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà chị Bùi Thị T (sinh năm 1979, nơi cư trú tại ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai) đang xây chưa hoàn thiện, không có hàng rào, không khóa cửa nên H nói L dừng xe lại bên ngoài đường đứng trông xe và cảnh giới còn H đi bộ vào trong nhà. Khi vào đến phòng ngủ thứ nhất thấy ông Nguyễn Duy Đ (sinh năm 1960, nơi cư trú tại Xóm 3, thôn D, huyện D, tỉnh Nghệ An) đang nằm ngủ trên giường, H thấy có một quần tây treo trên tường nên đến lục trong túi quần lấy được một bóp da mở ra thấy có tiền rồi đi ra nói L chạy xe rời khỏi hiện trường. Trên đường về, khi đi qua khỏi ngã tư Sông Ray khoảng 02 km thì H và L lấy bóp ra để kiểm tra bên trong có số tiền 17.000.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy Điều, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1960; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số tài khoản 3605205453033; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 và một số giấy tờ khác rồi L chở H về Công viên thành phố Long Khánh. Tại đây H chia cho L số tiền 8.500.000 đồng và đưa bóp cho L nói vất đi rồi H đi bộ về nhà. Sau đó, L thấy trong bóp có giấy chứng minh nhân dân và giấy tờ mang tên ông Nguyễn Duy Đ nên không vất đi mà mang tới tiệm sửa xe của Lê Hoàng Anh V (tên thường gọi là Tý), (sinh năm 1981, nơi cư trú tại ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai) cho V. Khi V mở bóp ra xem thì thấy bên trong có thẻ ATM và chứng minh nhân

dân nên nói L lấy thẻ ATM sử dụng mật khẩu là ngày tháng năm sinh trên chứng minh nhân dân đến trụ ATM để rút tiền thử, nên L rủ P (không rõ nhân thân lai lịch) đi cùng để rút tiền như sau: L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, BKS; 60B2- 721.55 chở Pháp đến một Ngân hàng (không rõ địa chỉ), L lấy thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số tài khoản: 3605205453033 đút vào trụ ATM sử dụng mật khẩu là ngày tháng 02 số sau của năm sinh trên chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Duy Đ cụ thể: 101160 thực hiện giao dịch rút số tiền 1.000.000 đồng nhưng giao dịch không thực hiện được do sai mật khẩu. L tiếp tục chở Pháp đến Ngân hàng Agribank, địa chỉ: số 50, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh thực hiện giao dịch rút tiền tại trụ ATM của Ngân hàng. L lấy thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 đút vào trụ ATM sử dụng mật khẩu như trên thực hiện giao dịch rút số tiền 1.000.000 đồng thì giao dịch thực hiên thành công, L tiếp tục thực hiện thêm 02 giao dịch rút tiền nữa mỗi giao dịch rút số tiền 3.000.000 đồng, rồi L chở Pháp đến Ngân hàng Bản Việt, địa chỉ số 473A, đường Hồ Thị Hương, phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai L lấy thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 đút vào trụ ATM sử dụng mật khẩu như trên thực hiện giao dịch rút số tiền 3.000.000 đồng thì giao dịch thực hiện thành công. Sau đó, L chở P về tiệm sửa xe của V rồi cho P số tiền 1.000.000 đồng. Tiếp đó, L điều khiển xe mô tô một mình đến Ngân hàng HD, địa chỉ số 520, đường Hùng Vương, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, L lấy thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 đút vào trụ ATM sử dụng mật khẩu như trên thực hiện giao dịch số tiền 200.000 đồng thì giao dịch thực hiện thành công, L rút được tổng số tiền 10.200.000 đồng từ 03 trụ ATM của 03 Ngân hàng rồi L đi về nhà.

Trên đường về nhà, L gặp Th (không rõ nhân thân lai lịch) và nhờ Th đi rút tiền như sau: L chở Th đến Ngân hàng Agribank, địa chỉ số 50, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và đưa thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 và cung cấp mật khẩu cho Thanh để rút tiền tại trụ ATM của Ngân hàng. Th đi vào trụ ATM thực hiện giao dịch rút tiền còn L đứng bên ngoài, rút tiền xong Th đưa cho L số tiền 6.000.000 đồng; Tại Ngân hàng Eximbank, địa chỉ số 245, đường Hùng Vương, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Th vào rút tiền và đưa cho L số tiền 4.000.000 đồng; Tại Ngân hàng Agribank địa chỉ số 50, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Th vào rút tiền và đưa cho L số tiền 2.000.000 đồng rồi nói với L thẻ hết tiền. Tổng cộng Th đưa cho L số tiền 12.000.000 đồng, L đưa lại cho Th 1.500.000 đồng và chở Th về lại đường Nguyễn Tri Phương, phường Xuân An, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Trên đường về nhà, V có gọi điện hỏi mượn L số tiền 2.000.000 đồng, L đã quay lại

tiệm sửa xe của V đưa cho V mượn số tiền 2.000.000 đồng là tiền cá nhân của L. Sau đó, L đã vứt cái bóp da, đựng 02 thẻ ATM, 01 chứng minh nhân dân và một số giấy tờ khác dọc đường (không xác định được địa điểm) trên đường đi về nhà. Số tiền chiếm đoạt được L và H đã sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra Nguyễn Đình L khai nhận đã sử dụng thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002, thực hiện giao dịch rút tổng số tiền 10.200.000 đồng và nhờ Th sử dụng thẻ ATM trên rút tổng số tiền 12.000.000 đồng và ngoài ra những lần L rút tiền khác ở tại cây ATM thì L không nhớ rõ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, xác minh tại Ngân hàng Bảo Việt, ngày 18/8/2020, số tài khoản 0301007959002 có số dư 36.324.696 đồng, khoảng thời gian từ 05 giờ 34 phút đến 07 giờ 36 phút cùng ngày, đã có 15 giao dịch rút tiền từ số tài khoản trên với tổng số tiền rút 36.200.000 đồng, số dư còn lại 124.696 đồng. Địa điểm rút tiền tại trụ ATM của các Ngân hàng Agribank; Ngân hàng Bản Việt; Ngân hàng Eximbank; Ngân hàng HD, nên có đủ cơ sở khẳng định L đã chiếm đoạt với số tiền 36.200.000 đồng. Ông Nguyễn Duy Đ khai bị mất tổng số tiền 76.200.000 đồng, gồm số tiền 40.000.000 đồng để trong bóp và số tiền 36.200.000 đồng trong thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002. Qua đối chất các bị cáo H và L chỉ thừa nhận chỉ có 17.000.000 đồng. Mặc khác, ông Nguyễn Duy Đ không đưa ra những chứng cứ để chứng minh trong bóp có số tiền 40.000.000 đồng nên không đủ cơ sở buộc H và L chiếm đoạt số tiền theo lời khai của ông Đ.

Vật chứng vụ án: Số tiền 53.200.000 đồng, gồm số tiền 17.000.000 đồng để trong bóp và số tiền 36.200.000 đồng trong thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 (không thu hồi được); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave A, biển số 60B2-721.55 (không thu hồi được); 01 bóp da nam màu nâu, không rõ nhãn hiệu (không thu hồi được); 01 thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 (không thu hồi được); 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số tài khoản 3605205453033 (không thu hồi được); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy Đ và một số giấy tờ khác (không thu hồi được); 01 đôi dép nam quai kẹp, nhãn hiệu Converse, màu đen; 01 quần short nam, màu đỏ, trên lưng quần có ký hiệu Anthetic leves, size 31.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSCM ngày 29 tháng 3 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173, bị cáo Võ Duy H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị: Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H tái phạm theo quy định tại điểm h,

khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Nguyễn Đình L được áp dụng thêm điểm b, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đình L từ 03 đến 04 năm tù; Võ Duy H 18 tháng đến 24 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/HS-ST ngày 12/05/2020, của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh), về tội "Trộm cắp tài sản" buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 19 tháng 7 ngày tù đến 25 tháng 7 ngày tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo L và H tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho ông Đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 22 giờ, ngày 17/8/2020, tại nhà của chị Bùi Thị T thuộc ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Đình L và Võ Duy H đã có hành vi trộm cắp 01 cái bóp da của ông Nguyễn Duy Đ, bên trong có số tiền 17.000.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1960; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Agribank, số tài khoản 3605205453033; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 và một số giấy tờ khác của ông Nguyễn Duy Đ. Sau đó, L nhờ P và Th đi rút tiền và chiếm đoạt số tiền 36.200.000 đồng trong thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002 của ông Nguyễn Duy Đ. Đến ngày 20/12/2020 L đến Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Như vậy, bị cáo Võ Duy H phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền chiếm đoạt là 17.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đình L phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền chiếm đoạt là 53.200.000 đồng. Do bị cáo L chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 50.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2

Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đình L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo Võ Duy H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Gia đình bị cáo Nguyễn Đình L tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Nguyễn Đình L chiếm đoạt với số tiền nhiều hơn, do đó hình phạt áp dụng đối với bị cáo L là cao hơn bị cáo H. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/HS-ST ngày 12/05/2020, bị cáo Võ Duy H bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố Long Khánh) xử phạt 08 tháng cải tạo không giam giữ, về tội "Trộm cắp tài sản". Tính đến ngày bị bắt trong vụ án này, bị cáo H đã chấp hành được 4 tháng 7 ngày, còn lại 3 tháng 23 ngày chưa chấp hành nên cần chuyển đổi thành hình phạt tù là 1 tháng 07 ngày theo quy định tại điểm b Điều 55 và tổng hợp với hình phạt của bản án này buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Lê Hoàng Anh V, khi được bị cáo L đưa cho xem cái bóp bên trong có thẻ ATM và chứng minh nhân dân, V không biết những tài sản trên do bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đồng Nai không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với đối tượng tên P, Th là người mà bị cáo Nguyễn Đình L nhờ rút tiền hộ, do chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave A, biển số 60B2-721.55 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Mỹ H, khi cho bị cáo L mượn chị H không biết L dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Duy Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 76.200.000 đồng, gồm số tiền 40.000.000 đồng để trong bóp và số tiền 36.200.000 đồng trong thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Đình L đã giao nộp số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, ông Đ đã nhận số tiền 20.000.000 đồng, và yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm số tiền số tiền 56.200.000 đồng. Tuy nhiên, qua đối chất các cáo H và L chỉ thừa nhận trong bóp chỉ có 17.000.000 đồng. Mặc khác, ông Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh trong bóp có số tiền 40.000.000 đồng nên không đủ căn cứ buộc bị cáo H và L chiếm đoạt số tiền theo lời khai của ông Đ. Do đó, chỉ có căn cứ xác định ông Đ bị chiếm đoạt số tiền 53.200.000 đồng, gồm số tiền 17.000.000 đồng để trong bóp và số tiền 36.200.000 đồng trong thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002. Đối với số tiền các bị cáo trộm cắp được, bị cáo H được chia 8.500.000 đồng, bị cáo L được chia 8.500.000 đồng và chiếm đoạt riêng số tiền 36.200.000 đồng trong thẻ ATM của Ngân hàng Bảo Việt, số tài khoản 0301007959002. Do đó, bị cáo H phải bồi thường cho ông Đ 8.500.000 đồng, bị cáo L phải bồi thường cho ông Đ 44.700.000 đồng. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Đình L đã bồi thường cho ông Đ 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Như vậy bị cáo L phải tiếp tục bồi thường cho ông Đ số tiền 24.700.000 đồng.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận phần phù hợp.

[7] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Đ được chấp nhận một phần nên các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình L **02** (**hai**) năm **06** (**sáu**) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2020.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Võ Duy H **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt **03** tháng **23** ngày cải tạo không giam giữ chưa chấp hành tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/HS-ST ngày 12/05/2020, của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh về tội "Trộm cắp tài sản", thành **01** tháng **07** ngày tù có thời hạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **01 (một)** năm **07 (bảy)** tháng **07** (**bảy**) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2020.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép nam quai kẹp, nhãn hiệu Converse, màu đen; 01 quần short nam, màu đỏ, trên lưng quần có ký hiệu Anthetic leves, size 31, đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/3/2021.

- Buộc bị cáo bị cáo Võ Duy H bồi thường cho ông Nguyễn Duy Đ 8.500.000 đồng (*tám triệu năm trăm nghìn đồng*), bị cáo Nguyễn Đình L bồi thường cho ông Nguyễn Duy Điều số tiền 24.700.000 đồng (*hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, thì bị cáo Nguyễn Đình L và Võ Duy H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đình L phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.235.000 đồng (*Một triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Võ Duy H phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Tuân

Nơi nhận:
- *TAND. T.Đồng Nai;*
- *VKSND T.Đồng Nai;*
- *Sở Tư pháp T.Đồng Nai;*
- *Công an H.Cẩm Mỹ;*
- *VKSND H.Cẩm Mỹ;*
- *Chi cục THADS H.Cẩm Mỹ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Hồ sơ thi hành án;*
- *Lưu AV, HS;*